

Bản án số: 194/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung

Ông Hoàng Sĩ Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2025, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 07/5/1992; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã N, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện G, tỉnh Hải Dương (*Theo Giấy ủy quyền ngày 03/02/2025*). Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị L1, sinh ngày 24/5/1992; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã N, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị L1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã N), huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/8/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Năm 2017, anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Năm 2022, chị L1 cũng sang Đài Loan làm việc. Khi ở Đài Loan, do mỗi người làm một công ty khác nhau nên anh chị không sống cùng nhau mà chỉ gặp nhau vào cuối tuần. Năm 2024, anh và chị L1 đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và do vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Anh và chị L1 đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay, không còn liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L1.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 30/7/2014 và Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 26/6/2020. Hiện nay, các con chung đang ở cùng anh và bố mẹ anh. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị L1 cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh. Trong thời gian ở nước ngoài, anh ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Hoàng Thị L chăm sóc các con cho đến khi anh về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông tin lại cho anh T biết. Trong thời gian ở nước ngoài, anh T ủy quyền cho bà chăm sóc cháu Nguyễn Thị Tường V và cháu Nguyễn Bảo T1, bà nhất trí.

Do anh T không cung cấp được địa chỉ của chị Phạm Thị L1 ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị L1. Bà Phạm Thị X (là mẹ đẻ chị L1) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị L1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên, chị L1 vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị L1 biết. Bà được chị L1 trao đổi là trong thời gian ở Đài Loan anh T có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng đã xảy ra cãi nhau. Khi biết sự việc chị L1 đã tha thứ nhưng anh T không thay đổi. Gia đình bà đã hòa giải cho hai anh chị nhưng không có kết quả. Chị L1 đã biết việc anh T có đơn xin ly hôn, quan điểm của chị L1 là để tự anh T giải quyết. Về con chung: Chị L1 xác định

vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày. Trường hợp vợ chồng ly hôn, quan điểm của chị L1 là để anh T và ông bà nội nuôi dưỡng cả 02 con chung là Tường V và Bảo T1. Về tài sản chung, nợ chung: Do anh T nuôi con nên toàn bộ tài sản chung, chị L1 để lại cho các con. Trường hợp sau này về Việt Nam, nếu có tranh chấp thì chị L1 sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Bị đơn chị Phạm Thị L1 vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị L vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Phạm Thị L1. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 30/7/2014 và Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 26/6/2020 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu V và cháu T1 cho bà Hoàng Thị L (là bà nội) chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi anh T về Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L1 cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và bị đơn chị Phạm Thị L1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, cùng có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã N, huyện G, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ của chị L1 tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu anh T và gia

đình chị L1 cung cấp địa chỉ, nhưng anh T và gia đình chị L1 không cung cấp được. Bà Phạm Thị X là mẹ đẻ chị L1 xác định chị L1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, bà đã thông báo về việc chị L1 có đơn xin ly hôn, chị L1 không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, anh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà L vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt. Bị đơn chị L1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị L1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã N), huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/8/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2024. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày là vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm và không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có đơn xin ly hôn. Thông qua gia đình, chị L1 xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh T có quan hệ tình cảm với người khác trong thời gian ở Đài Loan, nay anh T xin ly hôn, chị L1 đề nghị anh T giải quyết. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị L1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Do vậy, cần chấp nhận cho anh T được ly hôn chị L1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh T và chị L1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 30/7/2014 và Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 26/6/2020. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng bà nội là Hoàng Thị L. Sau khi ly hôn, anh T và chị L1 đều có quan điểm giao 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng; trong thời gian anh T ở nước ngoài, tạm giao 02 cháu cho bà L chăm sóc cho đến khi anh T về Việt Nam, bà L đồng ý. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T tự nguyện không yêu cầu chị L1 cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh T.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T ly hôn chị Phạm Thị L1.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 30/7/2014 và Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 26/6/2020 kể từ tháng 5/2025 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L1 cấp dưỡng tiền nuôi con. Tạm giao cháu V và cháu T1 cho bà Hoàng Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) do bà Hoàng Thị L nộp thay, theo Biên lai thu tiền số 0001654 ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T, chị Phạm Thị L1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được niêm yết. Bà Hoàng Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Nhật Quang, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

